**PHỤ LỤC 1: THÔNG TIN CHUNG**

*(Kèm theo Công văn ngày 11 tháng 7 năm 2025 của*

*Trung tâm Công nghệ thông tin)*

1. **Tên sản phẩm:** Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.
2. **Căn cứ pháp lý:**

**-** Nghị định số 111/2024/NĐ-CP ngày 06/9/2024 của Chính phủ quy định về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Dự thảo Thông tư Hướng dẫn một số thông tin chi tiết trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

1. **Mô tả sơ bộ về sản phẩm:**

**-** Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng gồm 03 hợp phần chính: (1) cơ sở dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn; (2) cơ sở dữ liệu về các dự án đầu tư xây dựng và công trình xây dựng và (3) Cơ sở dữ liệu về định mức và giá xây dựng.

- Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được xây dựng, quản lý tập trung, thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương. Đồng thời đảm bảo việc cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về quy hoạch, hoạt động xây dựng, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

- Mô hình tổng thể của Hệ thống cần có các Lớp cơ bản: Lớp Giao diện; Lớp Nghiệp vụ; Lớp Ứng dụng; Lớp CSDL; Lớp Người dùng và Lớp hạ tầng, bảo mật an toàn thông tin. Kèm theo mô hình nghiệp vụ và mô hình kiến trúc dữ liệu.

1. **Quy mô triển khai**

- Tại Bộ Xây dựng; các Sở Xây dựng địa phương; các cơ quan chuyên môn về hoạt động xây dựng trên toàn quốc.

- Người dân, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quy hoạch và xây dựng.

1. **Mục tiêu**

- Xây dựng và triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ và các địa phương, đảm bảo tính kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị trong Bộ và giữa Bộ Xây dựng với các Bộ, ngành, địa phương khác, đáp ứng yêu cầu khai thác hiệu quả dữ liệu ngành, phục vụ công tác báo cáo thống kê, dự báo xu hướng và hỗ trợ chỉ đạo, điều hành toàn diện, ra quyết định kịp thời, nhanh chóng, chính xác dựa trên dữ liệu.

- Thiết lập hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất, toàn diện về hoạt động xây dựng trên phạm vi cả nước. Cung cấp dữ liệu chính xác, kịp thời phục vụ chỉ đạo, điều hành, giám sát, đánh giá và dự báo phát triển ngành. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng. Tăng cường công khai, minh bạch thông tin và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Có khả năng triển khai thí điểm, thử nghiệm tại một số địa phương từ tháng 11/2025.

1. **Các chức năng chính của hệ thống thử nghiệm**

* **Hệ thống phần mềm nhóm quản trị, khai thác, báo cáo, phân tích dữ liệu** *(Phần mềm nghiệp vụ):*
* Phần mềm quản trị CSDL hoạt động xây dựng
* Phần mềm quản lý và khai thác CSDL hoạt động xây dựng
* Phần mềm báo cáo tổng hợp, phân tích dữ liệu
* **Hệ thống phần mềm Quản lý tích hợp, đồng bộ và chia sẻ dữ liệu:**
* Cổng thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng
* Phần mềm quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu
* Phần mềm quản lý tích hợp đồng bộ, kiểm soát dữ liệu
* **Hệ thống phần mềm Quản trị, giám sát, vận hành hệ thống:**
* Quản trị, giám sát, vận hành hệ thống

1. **Yêu cầu đối với đơn vị thử nghiệm**

- Trong giai đoạn thử nghiệm, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu sẽ được triển khai trên hạ tầng của đơn vị thử nghiệm. Hạ tầng đơn vị thử nghiệm cần đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ để kết nối với các hệ thống quốc gia theo đúng quy định.

- Đơn vị tham gia thử nghiệm cam kết chịu hoàn toàn các chi phí liên quan đến hạ tầng, an toàn thông tin, chi phí nhân công để xây dựng phát triển sản phẩm/ dịch vụ CNTT, chi phí vận hành và các chi phí khác (nếu có) trong suốt thời gian thử nghiệm.

- Toàn bộ dữ liệu phát sinh trong quá trình vận hành thử nghiệm phải bàn giao lại cho Bộ Xây dựng và đảm bảo bí mật thông tin theo quy định của Luật dữ liệu năm 2024.

**PHỤ LỤC 2: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THỬ NGHIỆM**

*(Kèm theo Công văn ngày 11 tháng 7 năm 2025 của*

*Trung tâm Công nghệ thông tin)*

**I. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC KINH NGHIỆM**

| **TT** | **Tiêu chuẩn đánh giá** | **Yêu cầu chi tiết** | **Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt** |
| --- | --- | --- | --- |
|
| **1** | **Hồ sơ năng lực** | Cung cấp hồ sơ giới thiệu năng lực, các điều kiện về hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực công nghệ thông tin | Đạt |
| Không cung cấp | Không đạt |
| **2** | **Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế** | Cam kết và cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm thử nghiệm. | Đạt |
| Không có cam kết và không cung cấp tài liệu chứng minh | Không đạt |
| **3** | **Năng lực tài chính** |  |  |
| **3.1** | **Kết quả hoạt động tài chính** | Giá trị tài sản ròng của đơn vị trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm thử nghiệm phải dương.  (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ).  Cung cấp tài liệu chứng minh. | Đạt |
| Không cung cấp tài liệu chứng minh | Không đạt |
| **3.2** | **Năng lực tài chính khi tham gia thử nghiệm** | Đơn vị tham gia thử nghiệm cam kết chịu hoàn toàn các chi phí liên quan đến hạ tầng, an toàn thông tin, chi phí nhân công để xây dựng phát triển sản phẩm/ dịch vụ CNTT, chi phí vận hành và các chi phí khác (nếu có) trong suốt thời gian thử nghiệm. | Đạt |
| Không có cam kết | Không đạt |
| **4** | **Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự** | Đã có kinh nghiệm cung cấp, triển khai dự án, sản phẩm/ dịch vụ CNTT có quy mô quốc gia; có kinh nghiệm về chia sẻ dữ liệu dùng chung tích hợp với các hệ thống của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Đơn vị tham gia thử nghiệm cung cấp các tài liệu kèm theo sau: Hợp đồng hoặc Bảng xác định giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành của Chủ đầu tư). | Đạt |
| Không cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |

**II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NHÂN SỰ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Vị trí công việc** | **Kinh nghiệm trong các công việc tương tự** | **Chứng chỉ/ trình độ chuyên môn** |
| 1 | Quản lý dự án/ quản trị dự án | Có kinh nghiệm tối thiểu 06 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng tương tự | Trình độ học vấn: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành CNTT |
| 2 | Trưởng nhóm giải pháp, phân tích nghiệp vụ | Có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng tương tự | Trình độ học vấn: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành CNTT |
| 3 | Trưởng nhóm xây dựng, phát triển phần mềm | Có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng tương tự | Trình độ học vấn: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành CNTT |
| 4 | Trưởng nhóm kiểm thử | Có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng tương tự | Trình độ học vấn: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành CNTT |
| 5 | Trưởng nhóm an toàn thông tin | Có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng tương tự | Trình độ học vấn: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành CNTT |

*Chuyên ngành CNTT bao gồm các ngành đúng đào tạo về CNTT và các ngành gần đào tạo về CNTT thuộc Hệ thống ngành nghề đào tạo Máy tính và công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.*

*Tài liệu chứng minh kinh nghiệm triển khai: bản gốc hoặc bản chụp được công chứng/chứng thực hợp đồng (có danh sách nhân sự tham gia) và biên bản nghiệm thu/ thanh lý hợp đồng hoặc Quyết định phân công nhiệm vụ của nhà thầu hoặc tài liệu khác tương đương.*

**III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Hồ sơ đề xuất thử nghiệm được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| **Tiêu chuẩn đánh giá** | **Yêu cầu chi tiết** | **Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt** |
| --- | --- | --- |
| **1. Hiểu rõ mục đích của thử nghiệm** | | |
| Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa | Đơn vị thử nghiệm hiểu rõ về mục tiêu và nhiệm vụ của việc thử nghiệm đã nêu trong yêu cầu về mặt kỹ thuật. | **Đạt** |
| Đơn vị thử nghiệm hiểu sơ sài/ không trình bày hiểu biết về mục tiêu và nhiệm vụ của việc thử nghiệm đã nêu trong yêu cầu về mặt kỹ thuật. | **Không đạt** |
| **2. Các yêu cầu kỹ thuật** | | |
| Các yêu cầu kỹ thuật chi tiết của phần mềm, hạ tầng | Đơn vị thử nghiệm có trình bày, thuyết minh đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu về kỹ thuật tại Phụ lục 3: Yêu cầu kỹ thuật sản phẩm/ Dịch vụ CNTT thử nghiệm | **Đạt** |
| Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trên | **Không đạt** |
| **3. Mức độ đáp ứng về các giải pháp kết nối, chia sẻ dữ liệu** | | |
| Các yêu cầu về kết nối, chia sẻ dữ liệu | Đơn vị thử nghiệm có trình bày giải pháp, thuyết minh phương án kết nối của Hệ thống thông tin, CSDL quốc gia về hoạt động xây dựng với các hệ thống khác để đánh giá khả năng sẵn sàng, đáp ứng của sản phẩm/ dịch vụ CNTT. | **Đạt** |
| Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trên | **Không đạt** |
| **4. Hạ tầng Công nghệ Thông tin** | | |
| Yêu cầu hạ tầng công nghệ thông tin | - Đơn vị thử nghiệm trình bày, thuyết minh phương án tính toán hạ tầng cần thiết để phục vụ triển khai thử nghiệm  - Đơn vị thử nghiệm có cam kết sẵn sàng cung cấp hạ tầng thiết bị CNTT; ATTT đảm bảo kết nối Đề án 06 | **Đạt** |
| Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trên | **Không đạt** |
| **5. Kế hoạch, tiến độ** | | |
| Yêu cầu về tiến độ hoàn thiện | Đơn vị thử nghiệm có cam kết, thuyết minh tiến độ cung cấp sản phẩm/ dịch vụ CNTT đưa vào thử nghiệm, đảm bảo khai trương trước ngày 25/12/2025 | **Đạt** |
| Không đáp ứng yêu cầu trên | **Không đạt** |
| **Kết luận** | | **Đạt/**  **Không đạt** |